# PH.NÍTSƠ - NGƯỜI "KHUẤY ĐẢO" TRIẾT HỌC TÂY ÂU NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

ĐỖ MINH HỢP (*)

**Tóm tắt:** *Ph.Nítsơ đã đưa ra những tư tưởng "khuấy đảo" triết học Tây Âu nửa cuối thế kỷ XIX khi coi "Cuộc sống" và "ý chí" là các khái niệm trung tâm của triết học. Ông dự báo, chủ nghĩa hư vô sẽ trở thành hiện thực và với dự báo đó, ông kêu gọi hãy đánh giá lại giá trị; rằng, trong xã hội loài người không còn sự tiến bộ và nhân loại đang lâm vào tình trạng suy thoái. Ph.Nítsơ đã đưa ra khái niệm "siêu nhân", trong đó hoàn toàn không có điểm nào chung với những kẻ theo chủ nghĩa phát xít. Hệ thống triết học Nítsơ còn chứa đựng một mâu thuẫn nội tại khác: một mặt, nó là triết học theo khuynh hướng bi quan chủ nghĩa; nhưng mặt khác, ông hoàn toàn không biện minh cho tâm trạng bi quan chán đời.*

Nhà triết học, nhà văn lớn người Đức - Ph.Nítsơ (1844 - 1900) nổi danh từ lúc còn sống. Nhưng, đó dẫu sao vẫn chỉ là một vinh quang gây tranh cãi mà bản thân nhà triết học này cũng hoàn toàn tán thành. Sau 15 năm lao động khoa học nặng nhọc, Ph.Nítsơ bị mắc bệnh tâm thần và không chữa được. Do vậy, ông không thể tham gia vào các cuộc tranh luận xung quanh những tác phẩm gây tranh cãi của mình và cũng do vậy, nhiều người đương thời và một số nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng đã đơn giản bỏ qua ông như một kẻ điên. Ảnh hưởng thật sự sâu sắc và liên tục của học thuyết Nítsơ chỉ xuất hiện trong triết học thế kỷ XX.

Ph.Nítsơ sinh ngày 15 tháng 10 năm 1844 tại Reken, trong một gia đình linh mục Tin Lành giáo. Bố ông mất khi ông mới 5 tuổi. Lòng mộ đạo đến mức thái quá theo truyền thống gia đình và giáo đoàn đã sớm gây ra sự phản đối trong tâm hồn Ph.Nítsơ. Cậu bé 11 tuổi đã từ chối việc rửa tội. Những suy ngẫm sâu sắc của Ph.Nítsơ đã đưa ông tới chỗ từ bỏ những giáo lý chính thống và các học thuyết thần học. Trong thời gian còn học tập ở trường phổ thông, Ph.Nítsơ đã bộc lộ năng lực tuyệt vời đối với các bộ môn nhân văn, nhanh chóng nắm bắt được các ngôn ngữ cổ. Từ năm 1864, ông bắt đầu học tại Đại học Tổng hợp Bon và sau đó, tại Đại học Tổng hợp Laixích. Sau khi tốt nghiệp khoa ngữ văn, ngay lập tức, vào năm 1869, ông nhận được địa vị giáo sư tại Đại học Tổng hợp Baden và giảng dạy ở đây từ năm 1879 đến năm 1889. Đầu năm 1900, Ph.Nítsơ bị ốm nặng và ông đã qua đời ngày 25 tháng 8 cùng năm. Những tác phẩm được viết từ năm 1873 đến năm 1889 đã mang lại một sự nổi tiếng ngày càng lớn hơn cho ông.

Các nhà nghiên cứu thường chia sự nghiệp sáng tạo khoa học của Ph.Nítsơ thành ba (hay bốn) giai đoạn cơ bản. Giai đoạn sáng tạo thứ nhất bao gồm những tác phẩm được Ph.Nítsơ viết từ năm 1871 đến

(*) Tiến sĩ triết học, Viện Triết học.

năm 1876. Giai đoạn này trước hết được đánh dấu bởi ảnh hưởng của nhà soạn nhạc, nhà tư tưởng kiệt xuất người Đức - R.Vacnơ (1813 – 1883). Các tác phẩm *Sự ra đời của bi kịch từ tinh thần của âm nhạc* (1872), *Triết học ở thời đại bi đát của Hy Lạp cổ* (1873), *Những suy ngẫm không hợp thời* (1873-1876) cho thấy, Ph.Nítsơ trẻ tuổi đã có kỳ vọng viết về các đề tài triết học - thẩm mỹ học, xét lại tinh thần Hy Lạp và làm cho nó thích nghi với hiện đại. Tiếp đó, khi bắt đầu say mê triết học A.Sôpenhauơ (1788 – 1860), Ph.Nítsơ viết *Sôpenhauơ với tư cách một nhà giáo dục,* trong đó khẳng định tác phẩm "Thế giới như là ý chí và biểu tượng" của Sôpenhauơ là chiếc gương soi rọi thế giới và tâm hồn của ông, đồng thời thể hiện những tư tưởng độc đáo của riêng mình.

Thế nhưng, với tác phẩm *Tính người và sự vượt quá tính người* (1878-1880) ở giai đoạn thứ hai, Ph.Nítsơ đã bắt đầu đoạn tuyệt với nhiều ảnh hưởng trước đó và kêu gọi đánh giá lại mọi giá trị một cách sâu sắc hơn, căn bản hơn đối với toàn bộ thời đại. Và, với *Hoàng hôn* (1881), *Khoa học vui vẻ* gồm 4 tập (1882), Ph.Nítsơ đã khẳng định rằng, trước kia, ông tôn trọng các nhà triết học, còn bây giờ, tự mình phải trở thành nhà triết học và hướng tới chỗ phát hiện ra thực chất của đạo làm người.

Giai đoạn thứ ba trong sự nghiệp sáng tạo khoa học của Ph.Nítsơ gắn liền với việc ông cho công bố những tác phẩm chủ yếu, phổ biến nhất và mang đậm tính cách của mình - đó là: *Giaratustra đã nói như vậy* (1883-1886), *Đứng ở phía bên kia cái ác và cái thiện* (1886), *Về phả hệ học đạo đức* (1887), *Kẻ chống Thiên Chúa* (1888).

Đôi khi, người ta còn tách ra một giai đoạn nữa - giai đoạn sáng tạo thứ tư - ngay trước khi Ph.Nítsơ mắc bệnh tâm thần, khi ông viết *Buổi hoàng hôn của những ngẫu tượng*.

Đề cập tới tư tưởng triết học độc đáo của Ph.Nítsơ, có thể khẳng định *các khái niệm "cuộc sống" và "ý chí" là các khái niệm trung tâm trong hệ thống triết học của ông*. Dù thái độ của Ph.Nítsơ đối với triết học Sôpenhauơ có thay đổi đến đâu chăng nữa thì ông vẫn tiếp thu từ nó khái niệm "ý chí", cải biến, tiếp tục phổ biến khái niệm này và hơn nữa, còn gắn liền nó với hiện tượng "cuộc sống" một cách kiên quyết và khăng khít hơn so với Sôpenhauơ. Không chỉ coi khát vọng (ý chí) quyền lực là động cơ mang tính quyết định của hoạt động và là năng lực chủ yếu của con người, Ph.Nítsơ còn "áp dụng" nó vào bản thân cuộc sống. Ông viết: "Để hiểu được cuộc sống là gì và nó thuộc loại khát vọng nào, thì phải coi câu hỏi này là câu hỏi có quan hệ như nhau đối với thực vật và động vật"(1). Lý giải cuộc sống như là khát vọng đặc biệt về sự tích tụ quyền lực, Ph.Nítsơ đã khẳng định "cuộc sống tự nó luôn hướng tới cảm giác lớn nhất về quyền lực"(2). Theo đó, có thể coi sự thần thoại hoá ý chí và sự bản thể hóa năng lực phi duy lý của con người là nét đặc trưng phù hợp nhất với tinh thần và phong cách của triết học Ph.Nítsơ, triết học được trình bày dưới dạng những câu cách ngôn, những tư tưởng kỳ quặc, những truyện ngụ ngôn và những lời giáo huấn riêng tư

Khái niệm "cuộc sống" mà Ph.Nítsơ đưa ra không có tính rõ ràng và xác định về mặt nội dung. Về thực chất, nó chỉ là một khái niệm mang tính chất ẩn dụ và chỉ được làm sáng tỏ thông qua ý chí, ý chí về quyền lực. Tuy nhiên, việc đưa ý chí, ý chí về quyền lực vào cái chiều sâu xa nhất của vũ trụ, với việc viện dẫn vào xung lượng ý

(1) Ph.Nítsơ. *Tác phẩm gồm 3 tập*, t.1. Mátxcơva, 1990, tr.46.
(2) Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.55.

chí của bản thân cuộc sống, Ph.Nítsơ đã hàm ý nói tới một cái gì đó quan trọng hơn ẩn dụ của ngôn ngữ triết học. Đó là những khát vọng, những hiện tượng tư tưởng khác nhau nhất mà Ph.Nítsơ gắn liền chúng với thử nghiệm luận chứng về phương diện triết học cho khái niệm "*siêu nhân*" cùng với khát vọng về quyền lực đã bị con người tuyệt đối hoá.

Khi khuyên mọi người *không nên hiểu cách lý giải cuộc sống, con người, nhận thức, văn hóa dưới ánh sáng của khái niệm "khát vọng quyền lực" một cách hời hợt, tuyên bố nó là cách tiếp cận chủ quan duy ý chí*, trong khi vẫn tuân thủ các xu hướng của khoa học tự nhiên thời Đácuyn và hậu Đácuyn, Ph.Nítsơ đã cố gắng làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa triết học của khái niệm "*đấu tranh để tồn tại*" mà theo đó, khái niệm này trở thành cái đồng nghĩa với khái niệm "*khát vọng quyền lực*" trong các tác phẩm đầu tay của ông. Ông khẳng định rằng, quan niệm về thế giới, về khoa học và về nhận thức của chủ nghĩa duy tâm là một quan niệm "trịch thượng" và do vậy, tách rời cuộc sống. Cần lưu ý rằng, trong các tác phẩm cuối đời, Ph.Nítsơ đã chống lại lý thuyết "chọn lọc tự nhiên" của Đácuyn, đặc biệt là chống lại luận điểm về sự sống còn của những cá thể được coi là thích nghi tốt nhất với môi trường sống và về thang bậc đi lên của các loài là tác nhân của sự tiến bộ. Con người với tư cách loài, theo ông, không có nghĩa là sự tiến bộ so với động vật. Với tư cách một loài đặc biệt, con người cũng không tiến bộ(3).

Tương tự như vậy, Ph.Nítsơ đã đưa ra những đánh giá tiêu cực đối với quan điểm "hai thế giới" của nhiều trào lưu triết học mà theo đó, thế giới cuộc sống hiện thực là không thể dung hợp với "thế giới cho chúng ta", thế giới được tạo ra nhờ những kết cấu khoa học và triết học. Trên thực tế, theo Ph.Nítsơ, thế giới cuộc sống là một, là toàn vẹn và hơn nữa, là vĩnh hằng - vĩnh hằng không phải ở tính ổn định của nó, mà ở "dòng chảy", sự sinh thành, sự trở lại một cách vĩnh cửu của nó và do vậy, cần phải bổ sung quan điểm nhận thức, chân lý, khoa học cho quan niệm xuất phát này về thế giới.

Theo Ph.Nítsơ, cần phải hiểu chân lý như là công cụ của cuộc sống, như là sự thích nghi với hiện thực, còn nhận thức - công cụ của quyền lực. Rằng, chân lý cần phải được chứng minh bằng tính hữu ích, bằng nhu cầu được đáp ứng, tức là bằng quyền lực ngày một tăng đối với tự nhiên và đối với người khác. Từ đó, ông rút ra kết luận: khi không coi nhẹ các ích lợi của nhận thức và của khoa học, chúng ta cần phải từ bỏ tệ sùng bái khoa học và chân lý khoa học do triết học Cận đại tạo dựng nên, bởi nó đã trở nên phổ biến đối với triết học và văn hóa. Tai hoạ của tệ sùng bái này là ở chỗ, do đề cao khoa học, nhận thức, lôgíc học và sự thống trị của chúng đối với cuộc sống, nên nhân loại không chỉ có được những lợi thế và sức mạnh, mà cả sự yếu đuối và ngày càng trở nên bất lực hơn về nhiều phương diện. Do sự tiến bộ liên tục của khoa học, thế giới hiện ra trước chúng ta như là kết quả của vô số những sai lầm và ảo tưởng đã dần xuất hiện trong sự phát triển chung của sinh vật và bây giờ, được chúng ta kế thừa như một kho báu của quá khứ, bởi giá trị của cái có tính người trong con người dựa trên cơ sở đó(4).

Sự không trùng hợp giữa hai thế giới - thế giới cuộc sống hiện thực và thế giới có tính người - chỉ là một trong những biểu

(3) Xem: Ph.Nítsơ *Sđd.*, t.2, tr.569.
(4) Xem: Ph.Nítsơ *Sđd.*, t.3, tr.19.

hiện về "sự bạo chính" của nhận thức và của khoa học. Nhưng, theo Ph.Nítsơ, từ đó lại sinh ra nhiều thứ tai hại đối với con người và bản thân thế giới. Con người lý giải thế giới như là cái phục tùng các quy luật của con số, và con người đã sai lầm, vì các quy luật này do bản thân họ tạo ra và do vậy, chỉ có hiệu lực đối với hành động của chính họ. Và, khi con người lý giải bản thân mình, bản chất của mình như là cái phục tùng các quy luật lôgíc học, nó lại sai lầm một lần nữa, sai lầm một cách sâu sắc, bởi không thể biến bản chất con người thành một cái có lôgíc thuần túy(5). Tất cả những lời buộc tội đó không phải dành cho con người bình thường, con người sống cuộc sống bình thường cùng với những quan tâm đời thường, mà dành cho những người tạo ra và phổ biến những giá trị tương ứng đối với văn hóa và nhân loại. Đó trước hết là các nhà triết học, các nhà văn, các nhà hoạt động tôn giáo và các nhà tư tưởng - *"giới tinh hoa cũ"* mà *những giá trị, những quy tắc đạo đức và tôn giáo của họ là hết sức giả dối, thù địch với cuộc sống và cần được loại bỏ ra khỏi con đường sinh thành liên tục của loài người.* Cho tới nay, con đường mà loài người đã trải qua với tư cách một chỉnh thể đặc thù, không thuần túy tự nhiên là rất ngắn, nếu xét trên quy mô lịch sử. Do vậy, một điều không lấy gì làm ngạc nhiên là loài người đã mắc phải nhiều sai lầm tới mức con người và loài người không thể tiến gần tới sự tự nhận thức về bản thân mình, về sứ mệnh của mình trong quá trình sinh thành vĩ đại, trong vòng luân chuyển vĩnh hằng của vũ trụ.

Tư tưởng triết học quan trọng tiếp theo của Ph.Nítsơ là *chủ nghĩa hư vô theo khuynh hướng cấp tiến và sự đánh giá lại một cách triệt để những giá trị văn hóa, triết học, tôn giáo.* Ph.Nítsơ đã quy chủ nghĩa hư vô châu Âu về một số định đề cơ bản và ông coi việc tuyên bố chúng một cách dũ dội, không sợ hãi và không giả nhân giả nghĩa là bổn phận của mình. Ông cho rằng, giờ đây đã *không còn cái gì là chân thực nữa; Chúa đã chết; xã hội không có đạo đức; mọi thứ đều có thể diễn ra.* Rằng, nền văn hoá châu Âu mà từ lâu đã phát triển dưới ách thống trị của sự căng thẳng ngày một tăng đang đưa nhân loại và thế giới đến thảm hoạ. Hiểu theo tinh thần của Ph.Nítsơ, thì đây không phải là những lời giáo huấn, không phải là những mong muốn mang tính giáo lý hoá, mà là *sự mô tả một xã hội tương lai mà không thể không xuất hiện.* Với niềm tin sâu sắc nhất, ông cho rằng, chủ nghĩa hư vô sẽ trở thành hiện thực ít nhất là đối với hai thế kỷ sắp tới.

Tự tuyên bố mình là "người theo chủ nghĩa hư vô ở châu Âu", là "nhà triết học của chủ nghĩa hư vô" và là "sứ giả của bản năng", Ph.Nítsơ đã mô tả chủ nghĩa hư vô như một sự tất yếu và kêu gọi mọi người hãy hiểu thực chất của nó. Với ông, chủ nghĩa hư vô đã trở thành dấu hiệu về sự suy thoái hoàn toàn của thứ ý chí đang chống lại tồn tại. Coi đây là "chủ nghĩa hư vô của những kẻ yếu đuối", Ph.Nítsơ cho rằng, mọi cái xấu xa đều được "sinh ra từ sự yếu đuối". Rằng, chỉ có "chủ nghĩa hư vô của những người mạnh mẽ" mới có thể và cần phải trở thành dấu hiệu về sự lành mạnh hóa, mới là "sự thức tỉnh ý chí đối với tồn tại"(6).

Khi kêu gọi độc giả hãy *đánh giá lại giá trị,* trong tác phẩm *Tính người và sự vượt quá tính người*", Ph.Nítsơ đã nói về quá trình hình thành tư tưởng ở ông, về sự đam mê Vácnơ và Sôpenhauơ, về việc ông

(5) Xem: Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.38.
(6) Xem: Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.42.

từ bỏ các tư tưởng của họ. Và, với câu hỏi: "Tôi còn phải cần đến bao nhiêu sự giả dối nữa để tự cho phép mình nhấm nháp sự thật đầy hoa lệ của mình?"(7), ông đã kêu gọi các nhà tư tưởng hãy từ bỏ mọi sự dối trá, giả dối của những quan điểm đã trở nên lỗi thời, bị giáo điều hóa và đánh giá lại những giá trị hiện tồn, mặc dù khó có thể vượt qua mọi giá trị và rất có thể cái thiện sẽ trở thành cái ác, còn Chúa là sự bịa đặt, là sự láu cá của quỷ dữ, mọi thứ đều có thể là giả dối ngay trong cơ sở tồn tại của mình nó và một khi chúng ta bị lừa dối, thì cũng rất có thể chính chúng ta là những kẻ lừa dối(8). Tư tưởng đánh giá lại giá trị được vạch ra ở đây còn được Ph.Nítsơ tiếp tục phát triển trong các tác phẩm tiếp theo, đặc biệt là trong *Giaratustra đã nói như vậy*.

*Giaratustra đã nói như vậy* là tác phẩm độc đáo, có ảnh hưởng lớn nhất của Ph.Nítsơ và dường như, chưa bao giờ được luận giải và trình bày giống nhau. Tên gọi kèm theo của tác phẩm đã là kỳ quặc: "Sách dành cho tất cả và không cho ai cả". Tên gọi Giaratustra được lấy từ truyền thuyết và tín ngưỡng phương Đông để nhấn mạnh sự khác biệt của "đạo làm người" do Giarstustra truyền bá so với các chuẩn tắc, các giá trị và giáo lý thuần túy châu Âu(9).

Có thể nói, trong *Giaratustra đã nói như vậy*, khái niệm "siêu nhân" được coi là một trong những nội dung quan trọng nhất mà cho tới nay vẫn còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Một nội dung khác trong tác phẩm này là khái niệm cái thiện và cái ác, quan niệm về Thiên Chúa giáo, về chủ nghĩa nhân đạo và chế độ dân chủ. Từ những nội dung này đã xuất hiện hai cách tiếp cận đối lập xung quanh cách thức đặt ra và giải quyết chúng trong triết học Nítsơ.

Những người theo cách tiếp cận thứ nhất, cách tiếp cận phê phán gay gắt đối với *triết học Ph.Nítsơ*, đã coi triết học này *là triết học của chủ nghĩa phi đạo đức, phản nhân đạo, phản dân chủ, là triết học bảo vệ chế độ quý tộc và thậm chí, bảo vệ chế độ quân phiệt*, khi viện dẫn thực tế là, chủ nghĩa quốc xã Đức và các hệ tư tưởng minh biện cho chiến tranh, bạo lực, áp bức và phân biệt chủng tộc đã sử dụng học thuyết Nítsơ. Một điều thú vị là, những người bảo vệ cách tiếp cận này đã sử dụng một số luận điểm mang tính khái quát của bản thân Ph.Nítsơ. Trên thực tế, đúng là Ph.Nítsơ đã tự coi mình không những là người theo chủ nghĩa hư vô, mà còn là người theo chủ nghĩa phi đạo đức. Ông không dấu giếm thái độ thù địch của mình đối với Thiên Chúa giáo, chế độ dân chủ, chủ nghĩa nhân đạo, "đạo đức phản tự nhiên", "các lý tưởng và thần tượng" như chúng đã được hình thành trong lịch sử châu Âu. Với ông, tất cả những gì đề cao cảm giác có quyền lực, khát vọng quyền lực và bản thân quyền lực trong con người đều là cái tốt, còn tất cả những gì bắt nguồn từ sự yếu đuối là cái xấu và những kẻ yếu đuối, thất bại cần phải chết; rằng, điều còn tệ hại hơn mọi thói xấu là thái độ đồng cảm đối với những kẻ yếu đuối và thất bại"(10).

Ngược lại, những người ủng hộ cách tiếp cận thứ hai lại kiên quyết chống lại quan niệm như vậy về triết học Nítsơ. Họ cho rằng, cần phải làm sáng tỏ một cách khách quan tính chất mâu thuẫn, không nhất quán trong triết học Nítsơ; cần làm rõ cội nguồn và luận cứ xuất phát của các tư

(7) Xem: Ph.Nítsơ. *Sđd*., tr.4.
(8) Xem: Ph.Nítsơ. *Sđd*., tr.5.
(9) Xem: Ph.Nítsơ. *Giaratustra đã nói như vậy*. Mátxcơva. 1990.
(10) Ph.Nitsơ. Tác phẩm gồm 3 tập, t.1, tr.281.

tưởng mang tính phê phán của Ph.Nítsơ trong việc chống lại những quan điểm triết học, đạo đức và tôn giáo truyền thống.

Ph.Nítsơ cho rằng, loài người với tư cách một giống loài đã không còn có sự tiến bộ nữa; rằng, loài người đang suy thoái, *xã hội loài người, văn hóa của loài người đang trong tình trạng thoái bộ*, đang đánh mất những bản năng của mình, không còn khả năng bảo vệ, hoàn thiện bản thân mình và do vậy, phải lựa chọn, đề cao những giá trị độc hại với chính mình. Và, theo ông, đó là một thực tế đáng buồn và càng đáng buồn hơn nữa khi có sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân và thảm họa sinh thái, loài người đang phải đối mặt với mối nguy hiểm khủng khiếp nhất đối với sự tồn tại của chính mình và của toàn bộ sự sống trên Trái Đất. Những thảm hoạ mà loài người đã, đang và sẽ phải chịu đựng là cái giá phải trả cho hàng nghìn năm các thế hệ người châu Âu tự hiến dâng mình cho quyền lực của tôn giáo và đạo đức Thiên Chúa giáo. Với quan niệm này, Ph.Nítsơ đã phê phán một cách quyết liệt tôn giáo và đạo đức Thiên Chúa giáo. Sự phê phán này trùng hợp với hệ vấn đề "phả hệ luận đạo đức" được Ph.Nítsơ xem là việc nghiên cứu vấn đề "cái ác và cái thiện *của chúng ta* bắt nguồn từ đâu?". Theo ông, do ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo nên loài người đã lựa chọn con đường trắc ẩn với những người yếu đuối. Lên án điều này, Ph.Nítsơ cho rằng, lòng trắc ẩn là cái đối lập với cảm hứng - cái nâng cao năng lực sống; nó có tác động mang tính nô dịch". Rằng, đạo đức Thiên Chúa giáo thường bợ đỡ con người; nó hoàn toàn mang tính giả nhân giả nghĩa, vì nó không nói ra sự thật với con người. Mà sự thật, theo Ph.Nítsơ, là ở chỗ, con người là thú dữ ở buổi đầu của Thiên Chúa giáo và vẫn là như vậy trong suốt các giai đoạn lịch sử sau đó. Trong khi đó thì Thiên Chúa giáo và đạo đức của chủ nghĩa nhân đạo lại tuyên bố một cách giả dối rằng, con người luôn sẵn sàng quay lại với bản tính thú dữ là đỉnh cao của sự sáng tạo. Xét về phương diện xã hội, Thiên Chúa giáo và chủ nghĩa nhân đạo cũng đã và sẽ vẫn là một cạm bẫy nguy hiểm đối với loài người: bạo lực của kẻ yếu đối với người mạnh, sự nổi dậy của nô lệ chống lại "đẳng cấp cao quý" được biện minh nhân danh Chúa. Bởi, khi bợ đỡ cho con người, Thiên Chúa giáo đã ngấm ngầm coi con người là thú dữ cần phải thuần dưỡng. Mà thuần dưỡng con thú yếu đuối và bệnh tật thường dễ dàng hơn. "Biến con người thành kẻ yếu đuối - đó chính là đơn thuốc của Thiên Chúa giáo nhằm thuần dưỡng con người, làm cho nó thích nghi với nền văn minh"(11).

Như vậy, theo chúng tôi, Ph.Nítsơ phê phán Thiên Chúa giáo vì nó bóp nghẹt sức mạnh tinh thần trong con người, vì chủ nghĩa giáo điều và vì việc chống lại bản nguyên tự do trong bản tính con người. Lời buộc tội này của Ph.Nítsơ không có gì độc đáo, bởi chúng ta đã bắt gặp những lời buộc tội như vậy ở thời Cận đại. Nhưng, với Ph.Nítsơ thì cả thời Cận đại này cũng bị buộc tội là đã đánh mất xung lượng đánh giá lại những giá trị do thời đại Phục hưng đem lại.

Ph.Nítsơ cũng đã dành không ít lời trách cứ cho các nhà triết học khẳng định giá trị đạo đức của chủ nghĩa nhân đạo. Chẳng hạn, ông buộc tội I.Cantơ đã cố gắng gán ép cho con người những quy tắc đạo đức xa lạ đối với con người, những quy tắc mà con người hoàn toàn không thể tuân thủ. Theo ông, "đạo đức phải là sản

(11) Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.307.

phẩm của chúng ta, là sự bảo vệ và là nhu cầu mang tính cá nhân sâu sắc của chúng ta; với bất kỳ nghĩa nào khác đều là nguy hiểm"(12). Với quan niệm này, *Ph.Nítsơ đã cố gắng bảo vệ sự tự do, tính độc lập, giá trị tự thân và tính tích cực của cá nhân.* Với ông, tự do của mỗi cá nhân chính là trách nhiệm của họ. Rằng, mỗi cá nhân đều tự xác định cho mình "thước đo giá trị", tự quyết định việc tôn trọng hay coi thường cá nhân khác. Người ta chỉ có thể tôn trọng những người ngang bằng với mình, mạnh hơn và cao quý hơn mình, những người mà có thể tin tưởng vào lời nói của họ. Và, lương tâm chính là bản năng chiếm ưu thế ở những cá nhân ấy. Với quan niệm này, Ph.Nítsơ đã đưa ra khái niệm "siêu nhân".

Theo Ph.Nítsơ, siêu nhân ra đời là để tạo dựng một cộng đồng người mới. Những người được hợp nhất lại trong cộng đồng này sẽ trở thành "kẻ gieo hạt giống cho tương lai". Họ ghê tởm đạo đức của người nô lệ, của những kẻ bị áp bức luôn kêu gọi lòng bác ái và trắc ẩn. Họ tự giải phóng bản thân mình; và để làm được điều đó, trước hết họ cần phải có sức mạnh và sự táo bạo. Danh hiệu cao quý, túi tiền luôn căng phồng của những nhà buôn, sự phục vụ tầng lớp quý tộc hay giới cầm quyền không thể biến họ thành "giới tinh hoa", mà tinh thần cao thượng, những mục đích trong sạch và mới mẻ, thái độ kiên quyết loại bỏ mọi thứ giả dối, mọi giáo điều, mọi thiên kiến của một nền văn minh đang bị lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc - đó mới là những thứ cần thiết để họ tự giải phóng mình và trở thành "giới tinh hoa". Siêu nhân hoàn toàn không có điểm nào chung với những kẻ theo chủ nghĩa phát xít. Với siêu nhân, điều cơ bản cần phải có là tinh thần năng động, tính kỷ luật và nghiêm khắc với chính mình, là nhân cách có trách nhiệm với tương lai, chứ không phải là thái độ phục tùng mù quáng và khát vọng chém giết, say máu chiến tranh như những kẻ theo chủ nghĩa phát xít. Điều này cho thấy những lời buộc tội Ph.Nítsơ có liên quan tới chủ nghĩa phát xít là vô căn cứ.

Những tranh luận về Ph.Nítsơ còn gắn liền với một mâu thuẫn nội tại trong hệ thống triết học của ông. *Một mặt*, Ph.Nítsơ khẳng định sự khủng hoảng sâu sắc của loài người, sự suy thoái của văn hóa, của tinh thần, của giá trị và qua đó, triết học của ông trở thành thứ triết học theo khuynh hướng bi quan chủ nghĩa. *Mặt khác*, ở Ph.Nítsơ hoàn toàn không có thiên hướng minh biện cho tâm trạng chán đời. Ông viết (trong *Khoa học vui*) rằng, ông muốn dạy cho con người không phải sự đau khổ, mà là tiếng cười và sự vui vẻ. Hơn nữa, bản thân Ph.Nítsơ cũng nhận thấy mâu thuẫn này trong triết học của mình. Ông viết: "Tôi biết số phận của tôi. Một khi nào đó người ta sẽ gắn liền tên tuổi của tôi với sự hồi tưởng về một điều gì đó quái dị - về sự khủng hoảng chưa từng có trên Trái Đất, về những mâu thuẫn sâu sắc nhất của lương tâm, về những quyết định được thông qua nhằm chống lại tất cả những gì mà cho tới nay, người ta vẫn tin tưởng, vẫn đòi hỏi, vẫn coi là thần thánh. Tôi không phải là con người, tôi là thùng thuốc nổ ... Tôi mâu thuẫn với mình tới mức chưa bao giờ có ai lại mâu thuẫn như vậy; và bất chấp điều đó, tôi là mặt đối lập của tinh thần mang tính phủ định"(13). Đây cũng chính là "tinh thần" hoàn toàn mới mẻ mà Ph.Nítsơ đã đem vào triết học phương Tây hiện đại.❐

(12) Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.400.
(13) Ph.Nítsơ. *Sđd.*, tr.406.